

VĨNH TẾ - 200 NĂM DÒNG KINH LỊCH SỬ

Vĩnh Thông

Vĩnh Tế là con kinh được đào ở vùng đất phía Tây Nam đất nước, khởi công vào năm 1819 và hoàn thành vào năm 1824, đầu triều Nguyễn. Đây là một trong những kinh đào lớn nhất trong lịch sử Việt Nam thời quân chủ. Ngày nay, kinh Vĩnh Tế chảy qua địa phận hai tỉnh An Giang và Kiên Giang, song song với biên giới Việt Nam - Cambodia. Đến nay, tròn 200 năm trôi qua, giá trị của dòng kinh lịch sử gần như còn nguyên vẹn, xứng đáng cho hậu thế ngưỡng mộ.

Kế hoạch đào dòng kinh này đã được bàn bạc từ năm 1816. Tháng Giêng (Âm lịch) năm ấy, triều đình gửi chiếu thư sang Chân Lạp, đề nghị huy động lực lượng phối hợp đào sông Châu Đốc - Hà Tiên, nhưng sau đó hoãn lại chờ đo đạc.⁽¹⁾ Tháng 4, triều đình bàn khởi sông Châu Đốc, sai Trấn thủ Vĩnh Thanh là Lưu Phước Tường đo đạc rồi vẽ bản đồ dâng lên.⁽²⁾ Tháng 12, sau khi xem địa đồ Châu Đốc, vua Gia Long nhận định: “Xứ này nếu mở đàng thủy thông với Hà Tiên, thời nông thương đều lợi cả; ngày sau dân ở càng đông, đất mở càng rộng, sẽ thành một trấn to.” Tuy nhiên bấy giờ, nhận thấy đây là vùng đất mới, dân chúng còn cơ cực, nếu bắt làm việc khó nhọc sợ lòng dân sẽ không yên, nên hoãn lại.⁽³⁾

Năm 1817, Nguyễn Văn Thoại nhậm chức Trấn thủ Vĩnh Thanh, thay Lưu Phước Tường vừa bị bãi chức do tham nhũng. Cần nói thêm, năm 1818, ông chỉ huy đào kinh từ Đông Xuyên (thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang ngày nay) đến Giá Khê (thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang ngày nay), mà có thể đây là sự thử

nhịệm trước khi đào kinh Vĩnh Tế vào năm sau. Nhờ đào theo lạch nước cũ, nên công việc diễn ra trong một tháng. Kinh hoàn tất rộng trung bình khoảng 50 mét, dài trên 30 mét, giúp giao thương hàng hóa giữa khu vực sông Hậu và biển Tây thuận lợi hơn. Để ghi nhận công lao, vua Gia Long ban tên kinh là Thoại Hà, ngọn núi mà dòng kinh đi qua có tên dân gian là núi Sập cũng được ban tên là Thoại Sơn.

Năm sau, tháng 9 năm 1819 (Âm lịch), triều đình quyết định đào kinh Vĩnh Tế. *Quốc triều chánh biên toát yếu* chép: “Đào sông Châu Đốc thông với Hà Tiên, gọi là sông Vĩnh Tế. Ngài⁽⁴⁾ nghĩ trấn Vĩnh Thanh, trấn Hà Tiên gần nước Chân Lạp, mà không có đàng thủy, qua lại không tiện. Lúc ấy có quan Chiêu thủy Chân Lạp là Đồng Phò sang châu, Ngài đòi vào hỏi việc đào sông, tâu rằng: ‘Nếu đào sông ấy thời ích lợi cho dân Chân Lạp lắm, Phiến vương cũng muốn mà không dám xin.’ Ngài vui lòng.”⁽⁵⁾ Ngày 15 tháng 12,⁽⁶⁾ kinh Vĩnh Tế chính thức được khởi công.⁽⁷⁾

Quá trình đào kinh trải qua ba đợt. Đợt đầu, nhân công do Trấn thủ Nguyễn Văn Thoại, Chưởng cơ Phan Văn Tuyên, Chánh quản đồn Uy Viễn Nguyễn Văn Tôn đốc suất dân phu 5.000 người và binh dân đồn Uy Viễn 500 người, Đồng Phò quản suất dân Chân Lạp 5.000 người.⁽⁸⁾ Tháng 3 năm 1820, công trình tạm dừng.

Đợt hai đào từ tháng 2 đến tháng 4 năm 1823. Trước đó, tháng 10 năm 1822, Tổng trấn Gia Định thành là Lê Văn Duyệt tâu với triều đình xin dự tính 39.000 binh dân Việt Nam và 16.000 binh dân Chân Lạp.⁽⁹⁾ Tuy nhiên đến khi đào, số nhân công giảm còn 35.000 binh Việt Nam và 10.000

binh Chân Lạp.⁽¹⁰⁾ Người chỉ huy đợt này là Thống chế Nguyễn Văn Thoại, Thống chế Trần Công Lại, Thống chế Phan Văn Tuyên.

Đợt ba đào từ tháng 2 đến tháng 5 năm 1824, dân binh từ các trấn thuộc Gia Định thành và nước Chân Lạp tổng cộng 24.700 người. Người chỉ huy đợt này tương tự như đợt trước. Đặc biệt, sau mỗi đợt đào kinh, triều đình đều xét theo công lao của từng đối tượng mà ban thưởng, từ quan lại đến binh lính và dân phu.

Như vậy, tổng thời gian đào kinh Vĩnh Tế là 4 năm, tổng số lượng nhân công trên 80.200 lượt. Kinh hoàn tất có chiều dài 87 km, rộng 30 mét, độ sâu trung bình khoảng 2,5 mét. Tuy nhiên, trừ Náo Khẩu Ca Âm khoảng 7 km và sông Giang Thành 42,5 km đã có sẵn, phần thật sự cần phải đào là 37 km.

Cần nói thêm, trong các thư tịch triều Nguyễn tường thuật quá trình đào kinh Vĩnh Tế, Náo Khẩu Ca Âm là một trong những “cột mốc” quan trọng. Đây là vùng đầm lầy úng nước, hình bầu dục, nằm cạnh núi Ca Âm. Do đường kinh đi qua Náo Khẩu, nên đoạn này không cần đào. Hiện nay, trên thực địa không còn dấu tích nào của khu vực này, bởi nó đã trở thành một phần của dòng kinh. Vị trí của Náo Khẩu Ca Âm được xác định là kéo dài từ khóm Phú Nhứt, phường An Phú đến khóm Xuân Bình, phường Tịnh Biên, cùng thuộc thị xã Tịnh Biên.⁽¹¹⁾

Đường kinh Vĩnh Tế được mô tả là: “Từ phía Tây đồn Châu Đốc qua cửa Ca Âm, Cây Báng, đến sông cũ”. Sông cũ ở đây là sông Giang Thành, một con sông tự nhiên đã có từ trước đó, đổ ra biển Hà Tiên. Cần lưu ý, điểm cuối kinh không phải biển Hà Tiên, mà điểm ấy giao với sông Giang Thành, từ đó con sông này tiếp nối nhiệm vụ của dòng kinh, đưa nước ra biển Hà Tiên. Đây là chi tiết nhỏ, nhưng

nhiều tài liệu đã nhầm lẫn, thiết nghĩ cần nói rõ.

Trong quá trình đào kinh Vĩnh Tế, tương truyền để đường kinh thẳng, người xưa đợi ban đêm, đốt đuốc trên những cây sào rồi nhắm theo đường thẳng mà cắm.⁽¹²⁾ Dù sao, không thể phủ nhận rằng, con người thời đó chỉ có những dụng cụ thô sơ như cuốc, thuổng, sào tre, dây thừng... và sức người. Ấy vậy mà, một công trình kỳ vĩ của nhân dân đã ra đời, đồng thời là thành tựu to lớn của triều Nguyễn trong công cuộc trị thủy nói riêng và khai thác lãnh thổ nói chung.

Với công việc khó khăn như thế, sự mất mát về con người chắc hẳn không hề nhỏ. Sau khi kinh Vĩnh Tế hoàn thành, Thoại Ngọc Hầu tổ chức quy tập hài cốt những dân binh đã thiệt mạng trong quá trình đào kinh, đưa về an táng trên triền núi Sam và tổ chức lễ tế trọng thể. Ông cho soạn bài văn tế “Thừa đế lệnh tế cô hồn Vĩnh Tế tân kinh” (thừa lệnh vua tế cô hồn kinh mới Vĩnh Tế) để đọc trong buổi lễ ấy, trong đó có đoạn:

“Đào kinh trước mấy kì khó nhớ, Khoác nhung y chống đỡ biên cương. Bình man máu nhuộm chiến trường, Bọc thây da ngựa gởi xương xứ này. [...] Giờ ta vâng lệnh bệ rồng, Dời người an táng nằm chung chốn này. Chọn đất tốt thi hài an ổn, Cảnh trời thanh vui nhộn cùng nhau. Hằng năm cúng tế dôi dào, Trần trề lễ trọng dám nào để vơi.”

Để ghi nhận công lao của Thoại Ngọc Hầu và phu nhân Châu Thị Tế trong công cuộc đào kinh, vua Minh Mạng ban tên cho ngọn núi nằm cạnh dòng kinh (có tên dân gian là núi Sam) là Vĩnh Tế sơn. Với niềm tự hào về tên núi được vua ban, Thoại Ngọc Hầu đã dựng bia “Phụng đặc tứ danh Vĩnh Tế sơn bi ký” (bia ghi chép việc đặc biệt ban tên núi Vĩnh Tế)

trên triền núi vào năm 1828. Ngày nay, tấm bia này vẫn còn được bảo quản tại lăng Thoại Ngọc Hầu, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Văn bia có đoạn:

“Đến nay, hoàng ân lại xét đến lòng thần, cho là biết tề gia hợp hòa khí, lại hạ cố đến vợ thần là Châu Thị Tế, rằng có đức dày trong đường lễ giáo, bên trong biết giúp đỡ chồng, một lòng chân thành bền chặt, có chút công lao, nên xuống lệnh ban cho tên núi Sam là núi Vĩnh Tế Sơn. [...] Đến nay, ánh sáng sớm sương tan, bóng chiều tà ráng rọi, cây rậm rạp khoe xanh, cỏ là đà phô thắm. Bụi sạch trên đường, lên cao ngắm nghĩa, dòng sông trải lụa, khách đi qua buông chèo nhàn ngoạn, tay trở non xanh cùng nói với nhau: Đây là núi Vĩnh Tế, do vua ban tên đó!”⁽¹³⁾

Năm 1836, triều đình đức Cữu đỉnh, tức chín đỉnh đồng được đặt trước Thế miếu (miếu thờ các vua triều Nguyễn) trong Hoàng thành, có ý nghĩa biểu trưng cho sự vững bền của triều đại. Mỗi đỉnh có tên gọi riêng, chạm khắc nhiều hình ảnh đa dạng về đất nước. Trong đó, Cao đỉnh quan trọng nhất, nằm ở vị trí trung tâm. Trên Cao đỉnh có phong cảnh kinh Vĩnh Tế và dòng chữ “Vĩnh Tế hà”.

Không ngẫu nhiên mà dòng kinh ấy được ưu ái như vậy. Hai thế kỷ trước, Quốc sử quán triều Nguyễn đã nhận định: “Từ ấy đường sông lưu thông, từ kế hoạch trong nước, phòng giữ ngoài biên, cho tới nhân dân buôn bán, đều được tiện lợi vô cùng.”⁽¹⁴⁾ Quả thật, kinh Vĩnh Tế có vai trò quan trọng trong sự phát triển của khu vực biên giới Tây Nam, bởi mang lại nhiều lợi ích thiết thực. Về thủy lợi, kinh dẫn nước ngọt và phù sa vào đồng ruộng, đồng thời thoát bớt nước ra biển Tây vào mùa nước nổi. Về quân sự, kinh là con đường phòng thủ, liên lạc, chi viện giữa Châu Đốc và Hà Tiên khi giặc ngoại xâm

lăm le biên giới. Về giao thương, kinh là tuyến đường thủy huyết mạch từ Châu Đốc đến Hà Tiên, trước khi hệ thống giao thông đường bộ được hoàn thiện như ngày nay. Về khai hoang, sau khi có dòng kinh, dân chúng từ nhiều nơi đã tìm đến hai bờ kinh để cất nhà, lập xóm, phát triển sản xuất... Hàng loạt làng mạc hình thành ven kinh Vĩnh Tế có đặc điểm chung là tên bắt đầu bằng “Vĩnh” đã cho thấy điều đó như Vĩnh Ngươn, Vĩnh Tế, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thông, Vĩnh Gia, Vĩnh Điều...

Nói về chặng đường hai thế kỷ của dòng kinh lịch sử, thiết nghĩ cần nói thêm một số dữ kiện liên quan đến dòng kinh ở giai đoạn sau. Dưới triều Nguyễn, biên giới Việt Nam - Cambodia cách kinh Vĩnh Tế khá xa (khoảng 25 km) về phía Tây Bắc. Bản đồ Nam Kỳ do Pháp vẽ vào năm 1861 - khi vùng đất này chưa trở thành thuộc địa đã cho thấy rõ điều đó. Năm 1873, “Thỏa ước về việc xác định điểm đường biên giới giữa Vương quốc Cambodge và xứ Nam kỳ thuộc Pháp” được ký kết, lấy dòng kinh này làm tiêu chuẩn cho việc phân định biên giới. Theo đó, biên giới hai nước cách kinh Vĩnh Tế khoảng 1,2 km về phía Tây Bắc (có chênh lệch đôi chút tùy từng vị trí).

Cũng trong thời Pháp thuộc, không rõ chính xác vào năm nào, chánh quyền Pháp cho xây dựng hai công trình kiểm soát nước trên kinh Vĩnh Tế là bửng Cây Mít (ngày nay ở thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang) và bửng Đầm Chít (ngày nay ở huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang). “Bửng” là từ địa phương, có nghĩa là đập ngăn nước. Chúng có tác dụng ngăn nước mặn từ biển Tây chảy ngược về vào mùa khô, đồng thời xả bớt nước sông Cửu Long ra biển Tây vào mùa nước nổi. Tại hai vị trí đó, bửng chắn lại dòng chảy của kinh, bên dưới lắp những cánh cửa có thể chuyển động. Bờ bên kia, họ đào thêm

dòng nước nhỏ hình cung, để ghe xuồng đi chuyển qua dòng nước phụ này. Tuy nhiên giờ đây, tất cả chỉ còn là phế tích, với trụ đá lớn đổ vỡ sát mé kinh, và toàn bộ bửng nằm sâu dưới lòng nước.

Sau 200 năm hoàn thành, những giá trị của kinh Vĩnh Tế vẫn còn được phát huy. Trên dòng kinh, ghe xuồng không ngớt ngược xuôi và càng tấp nập vào mùa nước nổi. Đi dọc dòng Vĩnh Tế từ Châu Đốc đến Hà Tiên, chúng ta bắt gặp nhiều thị tứ sùng túc, xen lẫn những làng mạc yên bình, những cánh đồng bạt ngàn... Ngày

nay, đường kinh đi qua thành phố Châu Đốc, thị xã Tịnh Biên, huyện Tri Tôn (tỉnh An Giang) và huyện Giang Thành (tỉnh Kiên Giang). Song song dòng kinh là quốc lộ N1 có vai trò quan trọng trong kết nối các địa phương ven biên giới Tây Nam. Cần nhớ lại, viễn cảnh ấy được vua Gia Long nhận thấy từ hai thế kỷ trước, khi nói về việc đào kinh Vĩnh Tế: “Tuy là khó nhọc một lần, mà ích lợi cho muôn đời ngày sau.”⁽¹⁵⁾

(1) Nội các triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 7, Viện Sử học dịch, Nxb Thuận Hóa, tr. 131.

(2) Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), **Đại Nam thực lục**, Tập 1, Viện Sử học dịch, Nxb Giáo dục, tr. 926.

(3) Quốc sử quán triều Nguyễn (1971), *Quốc triều chánh biên toát yếu*, Nhiều người dịch, Nhóm Nghiên cứu Sử Địa, tr. 96.

(4) Vua Gia Long

(5) Quốc sử quán triều Nguyễn (1971), Sdd, tr. 104.

(6) Ngày 15/12/1819 Âm lịch nếu đổi ra Dương lịch thì đã qua năm 1820. Tuy vậy trước nay, sử Việt Nam tính sự kiện này vào năm 1819 theo Âm lịch, do đó chúng tôi ghi nhận theo thông tin đã quen thuộc.

(7) Trịnh Hoài Đức (1999), *Gia Định thành thông chí*, Nxb Giáo dục, tr. 58.

(8) Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), Sdd, tr. 997.

(9) Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), **Đại Nam thực lục**, Tập 2, Nxb Giáo dục, tr. 239.

(10) Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), Sdd, tr. 260

(11) Vĩnh Thông (2021), “Góp phần xác định địa danh Náo Khẩu Ca Âm”, *Tạp chí Thất Sơn*, số 276, tr. 86-89.

(12) Nguyễn Văn Hầu (2006), *Thoại Ngọc Hầu và những cuộc khai phá miền Hậu Giang*, Nxb Trẻ, tr. 150.

(13) Nguyễn Văn Hầu (2006), *Thoại Ngọc Hầu và những cuộc khai phá miền Hậu Giang*, Nxb Trẻ, tr. 330.

(14) Quốc sử quán triều Nguyễn (1959), **Đại Nam nhất thống chí: Lục tỉnh Nam Việt**, Tập Hạ, Tu Trai Nguyễn Tạo dịch, Bộ Quốc gia Giáo dục, tr. 57.

(15) Quốc sử quán triều Nguyễn (1971), Sdd, tr. 104.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Hầu (2006), *Thoại Ngọc Hầu và những cuộc khai phá miền Hậu Giang*, Nxb Trẻ.
2. Nội các triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 7, Viện Sử học dịch, Nxb Thuận Hóa.
3. Quốc sử quán triều Nguyễn (1971), *Quốc triều chánh biên toát yếu*, Nhóm Nghiên cứu Sử Địa.
4. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), **Đại Nam thực lục**, Tập 1, Nxb Giáo dục.
5. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), **Đại Nam thực lục**, Tập 2, Nxb Giáo dục.
6. Trịnh Hoài Đức (1999), *Gia Định thành thông chí*, Nxb Giáo dục.
7. Vĩnh Thông (2021), “Góp phần xác định địa danh Náo Khẩu Ca Âm”, *Tạp chí Thất Sơn*, số 276.